

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 336/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê H Long**.
2. Ông **Dương Thành Lực**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Phúc Hưng** – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai: Ông **Nguyễn Lương Tri** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 25 đến ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 179/2016/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 452/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1975;

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Thu L**, sinh năm 1976.

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1975. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp Trường Ninh 1, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

2. **Lê Thị Diễm K**. Có mặt.

3. **Lê Kim H**. Có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K.

- Người làm chứng: bà **Đinh Thị L**, sinh năm 1947. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

2. Anh **Lê Văn Tuấn K**, sinh năm 1996. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đỗ Vinh Quang – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Thị Minh – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2016 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày: Do quen biết anh và chị L tổ chức lễ cưới và chung sống cùng nhau vào năm 1995, đến năm 2010 hai vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2015 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong đời sống sinh hoạt vợ chồng, dẫn đến thường xuyên cự cãi. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên anh D yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung: anh chị chung sống với nhau có 02 con chung tên Lê Văn Tuấn K, sinh ngày 22/11/1996 đã trưởng thành và Lê Thị Cẩm Hằng, sinh ngày 27/8/2003, cháu Hằng chọn sống cùng ai thì theo nguyện vọng của cháu, anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 145m² được xây dựng trên thửa 409, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ. Phần đất này do anh D được thừa kế từ cha mẹ nên anh không chia, đồng ý chia giá trị căn nhà trên đất; yêu cầu chia 07 chỉ vàng 24k và số tiền 24.000.000 đồng chị L đang giữ.

Tài sản riêng do anh thừa kế từ cha mẹ:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 7.375m² thửa số 409, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310995, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01757 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 11.886m² tại thửa số 1487, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310991, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01754 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 690m² tại thửa số 1480, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK421145, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01406 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 04/7/2008 cho anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 3.053,5m² tại thửa số 406, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN830491, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00899 do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 13/6/2013 cho anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thới Lai số tiền 150.000.000 đồng, hiện tại anh D đã trả hết nợ cho Ngân hàng, anh yêu cầu chị L liên đới trách nhiệm trả lại cho anh một nửa số nợ chung nêu trên số tiền là 75.000.000 đồng; Nợ ông Nguyễn Thanh N số tiền 12.000.000 đồng, đây là số tiền anh nợ tiền phân và thuốc trồng lúa và anh đã trả cho anh N, anh yêu cầu chị L trả lại cho anh số tiền 6.000.000 đồng

- Bị đơn chị Lê Thị Thu L trình bày: Chị và anh D qua tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1995, đến năm 2010 thì anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Anh chị có 02 con chung tên Lê Văn Tuấn K, sinh ngày 22/11/1996 đã trưởng thành và Lê Thị Cẩm Hằng, sinh ngày 27/8/2003. Quá trình chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D có tình cảm khác bên ngoài, không lo cho gia đình và còn đuổi chị và 02 con ra khỏi nhà, hiện tại chị và các con phải thuê nhà trọ để ở từ nhiều năm nay. Nay anh D yêu cầu ly hôn thì chị L đồng ý. Về con chung: cháu K đã trưởng thành, còn cháu Hằng chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành vì hiện nay cháu đang sống cùng chị, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung: Trong đơn phản tố ngày 01/04/2017, chị L yêu cầu chia tài sản chung gồm:

+ 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 145m² được xây dựng trên phần diện tích đất vườn và thổ cư tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 7.375m² tại thửa số 409, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310995, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01757 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn

D đứng tên trên giấy chứng nhận, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 11.886m² tại thửa số 1487, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310991, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01754 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 690m² tại thửa số 1480, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK421145, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01406 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 04/7/2008 cho anh Lê Văn D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 3.053,5m² tại thửa số 406, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN830491, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00899 do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 13/6/2013 do anh Lê Văn D đứng tên trên giấy chứng nhận, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 65H1 – 037.20 mua từ năm 2011 do ông D đứng tên và sử dụng.

+ 01 chiếc xuống cây, 01 máy bơm nước hiệu S75, 01 máy bơm nước hiệu D6.

+ 02 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế salon, 01 bàn ăn.

+ 02 tủ quần áo gỗ, 02 tủ nhôm đựng chén bát, 01 ti vi, đầu đĩa, âm li thùng bass.

+ Tiền thu hoạch lúa 04 mùa số tiền 160.000.000 đồng do anh D đang giữ.

Chị L yêu cầu chia đôi các tài sản trên.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 16/11/2020, chị L có đơn xin rút một phần yêu cầu phản tố, rút yêu cầu chia đôi với các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 7.375m² tại thửa số 409, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310995, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01757 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D đứng tên trên giấy chứng nhận, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 11.886m² tại thửa số 1487, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310991, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01754 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 3.053,5m² tại thửa số 406, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN830491, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00899 do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 13/6/2013 do anh Lê Văn D đứng tên trên giấy chứng nhận, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

- 01 chiếc xuống cây, 01 máy bơm nước hiệu S75, 01 máy bơm nước hiệu D6.

- 02 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế salon, 01 bàn ăn.

- 02 tủ quần áo gỗ, 02 tủ nhôm đựng chén bát, 01 ti vi, đầu đĩa, âm li thùng bass.

- Tiền thu hoạch lúa 04 mùa số tiền 160.000.000 đồng.

- Nợ bà Lê Thị Kim H số tiền 9.500.000 đồng.

Về nợ chung: Nợ của chị Lê Thị Diễm K (cháu ruột chị L) – ngụ ấp Hòa Lộc, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang số tiền 100.000.000 đồng, chị L yêu cầu anh D có trách nhiệm trả một nửa số nợ trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Lê Thị Diễm K trình bày: Năm 2014, khi xây dựng nhà thì cô L và dưỡng D có điện thoại hỏi mượn chị Diễm 100.000.000 đồng. Vì là cô cháu và có mượn tiền nhiều lần nên hai bên không có viết biên nhận nợ. Sau đó, cô Diễm và dưỡng D kêu con ruột là Lê Văn Tuấn K lên TP. Hồ Chí Minh nơi chị K sinh sống và làm việc để lấy tiền, chị K đã đưa thẻ ATM của chị, trong tài khoản có 100.000.000 đồng cho K mang về cho cô L và dưỡng D. Cô và dưỡng nói chỉ mượn trong 03 tháng sau khi bán đất sẽ trả nhưng đến nay vẫn không trả cho chị K. Nay chị K yêu cầu chị Lê Thị Thu L và anh Lê Văn D có trách nhiệm trả số nợ trên cho chị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Lê Kim H trình bày: Trước đây chị có cho vợ chồng chị L và anh D mượn số tiền 9.500.000 đồng, hai bên không viết giấy mượn nợ. Nay anh D không thừa nhận do chị không có chứng cứ nên rút yêu cầu không yêu cầu chị L và anh D trả cho chị số nợ trên.

- Người làm chứng bà Đinh Thị L trình bày: vào năm 2008 bà có ký hợp đồng chuyển nhượng để chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 1480, diện tích theo bà nhớ là 03 công tằm lớn, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai cho vợ chồng anh D chị L, em của bà là người đứng ra giao dịch nên bà cũng không biết em bà nhận tiền từ ai anh D hay chị L.

- Người làm chứng anh Lê Văn Tuấn K trình bày: anh K là con ruột của chị L và anh D, năm 2014 khi cha mẹ anh Xây dựng nhà có điện thoại hỏi mượn của chị Lê Thị Diễm K 100.000.000 đồng. Sau đó, cha mẹ anh kêu anh lên thành phố Hồ Chí Minh gặp chị K để mượn số tiền 100.000.000 đồng. Khi đó, chị K đưa cho anh thẻ ATM có số tiền 100.000.000 đồng trong tài khoản để anh mang về đưa cho cha mẹ, khi anh đưa thẻ thì có mặt cả cha mẹ là anh D chị L.

Tại phiên tòa hôm nay.

- Nguyên đơn anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị L, về con chung: cháu K đã trưởng thành, cháu Hằng chọn sống với ai thì theo nguyện vọng của cháu, anh D cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Tài sản chung: Anh D đồng ý chia đôi giá trị căn nhà cấp 4 có diện tích qua đo đạc thực tế là 138,19m² được xây dựng trên phần diện tích đất thổ cư tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ. Theo biên bản định giá ngày 02/01/2020 của Hội đồng định giá theo Quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thì giá trị nhà chính, nhà bếp, máy che là 458.965.400 đồng, anh D thống nhất giá trị nhà theo biên bản định giá, anh D yêu cầu giữ lại nhà và thối lại cho chị L $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 229.482.700 đồng.

01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 65H1 – 037.20 do anh D đứng tên. Anh D thống nhất giá trị xe là 10.000.000 đồng, anh giao xe và giấy tờ xe cho chị L, chị L thối lại giá trị xe cho anh là 5.000.000 đồng.

Đối với thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 10, diện tích 690m² đây là phần đất anh mua của bà L, cha của anh đưa tiền cho anh mua nên đây là tài sản riêng của anh, anh D không đồng ý chia theo yêu cầu của chị L.

Về nợ chung: Trước đây khi xây dựng nhà anh và chị L có vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Thới Lai số tiền 150.000.000 đồng, năm 2016 anh D đã trả hết số nợ trên cho ngân hàng nên anh yêu cầu chị L có trách nhiệm trả lại cho anh một nửa là 75.000.000 đồng. Ngoài ra, anh D rút lại yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung gồm: yêu cầu chị L chia 07 chỉ vàng 24K, số tiền 24.000.000 đồng và nợ anh N 12.000.000 đồng.

- Bị đơn chị L trình bày và yêu cầu: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D. Về con chung: cháu K đã trưởng thành, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hằng đến khi trưởng thành, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Căn nhà cấp 4 có diện tích qua đo đạc thực tế là 138,19m² được xây dựng trên phần diện tích đất thổ cư tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ. Theo biên bản định giá ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thì giá trị nhà chính, nhà bếp, máy che là 458.965.400 đồng, chị L thống nhất giá trị nhà theo biên bản định giá, đồng thời yêu cầu được nhận 2/3 giá trị căn nhà tương đương số tiền 306.098.267 đồng, vì nhiều năm nay chị và 02 con không có nơi ở nào khác phải thuê trọ để ở và chị phải đi làm thuê kiếm tiền nuôi con nên yêu cầu được nhận 2/3 giá trị căn nhà.

Quyền sử dụng đất thửa số 1480, tờ bản đồ số 10, diện tích 690m² đây là phần đất mà chị và anh D chuyển nhượng của bà Đinh Thị L vào năm 2008 với giá 1,8 cây vàng, đây là tài sản chung do chị và anh D tạo lập được nên chị yêu cầu được nhận ½ giá trị mảnh đất này. Theo biên bản định giá ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thì thửa đất trên có giá trị là 72.450.000 đồng, chị L đồng ý giao đất cho anh D tiếp tục quản lý sử dụng, chị yêu cầu nhận ½ giá trị thửa đất là 36.225.000 đồng.

01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 65H1 – 037.20 mua từ năm 2011 do anh D đứng tên. Chị L thống nhất giá trị xe là 10.000.000 đồng, chị thống nhất giữ xe, anh D giao xe và giấy tờ xe cho chị L, chị L thối lại ½ giá trị xe cho anh D là 5.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị yêu cầu anh D liên đới trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Diễm K số tiền 100.000.000 đồng, đây là tiền mà chị và anh D mượn của chị K để xây dựng nhà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Lê Thị Diễm K vẫn giữ nguyên yêu cầu, yêu cầu chị L anh D có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Lê Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh N vắng mặt tại phiên tòa.

* *Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Anh D và chị L đã không còn tình cảm với nhau và cả 02 đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX ghi nhận việc thuận tình ly hôn của anh D chị L, và thỏa thuận nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung đề nghị chia đôi giá trị căn nhà, yêu cầu chia 02 phần của chị L là không có cơ sở.

Về nợ chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị L có trách nhiệm trả lại cho anh D số tiền 75.000.000 đồng mà anh D đã trả cho ngân hàng nông nghiệp. Đối với số nợ 100.000.000 đồng nợ chị Diễm mà chị L nêu ra do không có chứng cứ nên đề nghị không xem xét.

** Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Yêu cầu của chị L về việc nhận 2/3 giá trị căn nhà là có cơ sở do chị L đang phải nuôi con, không có nơi ở nào khác phải thuê trọ. Đối với số nợ ngân hàng nông nghiệp số tiền 150.000.000 đồng, anh D đã thanh toán nợ bằng tài sản chung của vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại, đây là trách nhiệm và nghĩa vụ chung của vợ chồng nên không có cơ sở để yêu cầu chị L trả. Đối với số tiền nợ chị Lê Thị Diễm K, số tiền này chị L anh D mượn để xây dựng nhà nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu anh D liên đới trả 100.000.000 đồng cho chị K. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 16, khoản 2 Điều 27, Điều 33, Điều 37, Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 207, Điều 219 Bộ luật Dân sự 2015 bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia nợ chung, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay anh D chị L đã thỏa thuận được với nhau về quan hệ hôn nhân và nuôi dưỡng con chung nên đề nghị HĐXX công nhận.

Về tài sản chung: anh D đồng ý chia đôi giá trị căn nhà cấp 4, qua đo đạc thực tế là 138,19m² được xây dựng trên thửa 409, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ. Chị L yêu cầu được nhận 2/3, anh D đồng ý chia đôi, anh chị đều thống nhất giá trị căn nhà theo biên bản định giá ngày 02/01/2020 nên đề nghị HĐXX chia theo quy định của pháp luật.

Quyền sử dụng đất thửa số 1480, tờ bản đồ số 10, diện tích 690m² đây là phần đất mà chị và anh D chuyển nhượng của bà Đinh Thị L vào năm 2008, đây là tài sản chung do anh chị tạo lập được trong quá trình chung sống nên yêu cầu của chị L nhận 1/2 giá trị thửa đất là có cơ sở để chấp nhận.

01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 65H1 – 037.20, anh chị đã thống nhất giá trị của xe nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Về nợ chung: anh D yêu cầu chia đôi số nợ 150.000.000 đồng mà anh đã tất toán cho ngân hàng, thấy rằng anh D vay và trả nợ trong thời kỳ hôn nhân của anh chị đang tồn tại, anh thực hiện nghĩa vụ trả nợ trên khối tài sản chung của vợ chồng và anh D cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện khoản tiền anh tất toán cho ngân hàng là do anh vay mượn của người khác nên yêu cầu của anh D là không có cơ sở chấp nhận. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng của chị K, chị L trình bày dùng vào việc xây dựng nhà và có con của anh chị là anh K làm chứng, nên việc vay mượn này là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị K về việc yêu cầu anh D chị L liên đới trả số nợ 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Anh D có Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp ly hôn”. Loại tranh chấp này thuộc ngành Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy giữa anh D và chị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Nay tình cảm thật sự không còn nên anh D yêu cầu được ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình Tòa án giải quyết đã nhiều lần phân tích động viên để các bên hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị L.

[4] Về con chung: Anh D chị L có 02 con chung tên: Lê Văn Tuấn K, sinh ngày 22/11/1996 và Lê Thị Cẩm Hằng, sinh ngày 27/8/2003. Cháu K đã trưởng

thành, cháu Hằng có nguyện vọng sống với mẹ và chị L cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hằng vì hiện nay cháu sống cùng chị, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành, anh D cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu và cấp dưỡng nuôi con theo quy định nên yêu cầu nuôi dưỡng cháu Hằng của chị L là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về tài sản chung:

- Căn nhà cấp 4 có diện tích qua đo đạc thực tế là 138,19m² được xây dựng trên phần diện tích đất thổ cư tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ. Theo biên bản định giá ngày 02/01/2020 của Hội đồng định giá thì giá trị nhà chính, nhà bếp, máy che là 458.965.400 đồng, Anh D chị L thống nhất giá trị nhà theo biên bản định giá, anh D yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà, chị L yêu cầu chia 2/3 giá trị căn nhà. HĐXX thấy rằng, căn nhà nêu trên là tài sản chung của vợ chồng anh chị đều có công sức đóng góp ngang nhau trong việc tạo dựng khối tài sản chung nên yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

- Quyền sử dụng đất thửa số 1480, tờ bản đồ số 10, diện tích 690m² đây là phần đất mà chị và anh D chuyển nhượng của bà Đinh Thị L vào năm 2008 với giá 1,8 cây vàng. Phần tài sản này do chị L và anh D tạo lập được trong quá trình chung sống nên xác định là tài sản chung của anh chị. Theo biên bản định giá ngày 02/01/2020 của Hội đồng định giá thì thửa đất trên có giá trị là 72.450.000 đồng, chị L đồng ý giao đất cho anh D tiếp tục quản lý sử dụng, chị yêu cầu nhận ½ giá trị đất là 36.225.000 đồng, yêu cầu này của chị L có cơ sở để chấp nhận.

- Trong đơn khởi kiện anh D yêu cầu chia 07 chỉ vàng 24K và số tiền 24.000.000 đồng chị L giữ. Tại phiên tòa hôm nay anh D rút yêu cầu chia đôi tài sản trên, đây là sự tự nguyện của đương sự nên HĐXX ghi nhận.

- Tài sản chung: Trong đơn phản tố ngày 01/04/2017, chị L yêu cầu chia tài sản chung gồm:

+ 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 145m² được xây dựng trên phần diện tích đất vườn và thổ cư tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 7.375m² tại thửa số 409, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310995, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01757 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 11.886m² tại thửa số 1487, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310991, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01754 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 690m² tại thửa số 1480, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK421145, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01406 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 04/7/2008 cho anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 3.053,5m² tại thửa số 406, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN830491, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00899 do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 13/6/2013 do anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 65H1 – 037.20 mua từ năm 2011 do ông D đứng tên và sử dụng.

01 chiếc xuồng cây, 01 máy bơm nước hiệu S75, 01 máy bơm nước hiệu D6.

02 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế salon, 01 bàn ăn.

02 tủ quần áo gỗ, 02 tủ nhôm đựng chén bát, 01 ti vi, đầu đĩa, âm li thùng bass.

Tiền thu hoạch lúa 04 mùa số tiền 160.000.000 đồng do ông D đang giữ.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 16/11/2020, chị L có đơn xin rút một phần yêu cầu phản tố, rút yêu cầu chia đôi với các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 7.375m² tại thửa số 409, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310995, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01757 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 11.886m² tại thửa số 1487, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310991, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01754 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 3.053,5m² tại thửa số 406, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN830491, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00899 do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 13/6/2013 do anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

01 chiếc xuống cây, 01 máy bơm nước hiệu S75, 01 máy bơm nước hiệu D6.

02 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế salon, 01 bàn ăn.

02 tủ quần áo gỗ, 02 tủ nhôm đựng chén bát, 01 ti vi, đầu đĩa, âm li thùng bass.

Tiền thu hoạch lúa 04 mùa số tiền 160.000.000 đồng.

Nợ bà Lê Thị Kim H số tiền 9.500.000 đồng.

Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên HĐXX ghi nhận.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 65H1 – 037.20 do anh D đứng tên. Anh chị thống nhất giá trị xe là 10.000.000 đồng; anh D sẽ giao xe và giấy tờ xe cho chị L, chị L thôi lại cho anh D $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe là 5.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận.

[6] Về nợ chung:

- Nguyên đơn anh D cho rằng quá trình chung sống anh chị vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn-Chi nhánh Thới Lai số tiền 150.000.000 đồng, anh đã tất toán cho ngân hàng nay anh yêu cầu chị L có trách nhiệm trả lại anh 75.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng ngày 12/8/2016 anh D nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, ngày 05/8/2016, anh D đã tất toán món nợ 150.000.000 đồng cho ngân hàng nông nghiệp. Thời điểm anh D tất toán nợ ngân hàng là thời kỳ hôn nhân của anh chị đang tồn tại nên nguồn tài sản anh D dùng để trả nợ cho ngân hàng cũng là từ tài sản chung của vợ chồng, anh trả nợ ngân hàng là thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng nên yêu cầu của anh D buộc chị L trả lại 75.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

- Nợ chị Lê Thị Diễm K 100.000.000 đồng, chị K cho rằng anh D chị L mượn vào thời điểm năm 2014 để xây dựng nhà, do là chỗ cô cháu nên hai bên không làm biên nhận, và anh D chị L có kêu con là anh Lê Văn Tuấn K đến gặp chị K để nhận thẻ ATM trong đó có số tiền 100.000.000 đồng, sau đó mang về cho anh D Chị L, việc này chị L thừa nhận, anh D không thừa nhận, anh K đứng ra làm chứng. Xét thấy, việc vay mượn này theo lời trình này của chị K không có làm giấy tờ do quen biết nhau, nhưng có anh Lê Văn Tuấn K là con của anh D và chị L làm chứng, chị L thừa nhận nên yêu cầu của chị K là có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chi phí đo đạc, thẩm định, bản vẽ : Do chị L rút một phần yêu cầu phân tố chia tài sản chung nên chi phí thẩm định, bản vẽ đối với phần rút yêu cầu này chị L phải chịu là 11.000.000 đồng. Chi phí thẩm định nhà, đất có tranh chấp 6.000.000 đồng chị L đã nộp xong. Do yêu cầu chia tài sản chung của anh D chị L được chấp nhận nên chi phí đo đạc, thẩm định anh D phải chịu là 3.000.000 đồng, chị L phải chịu 3.000.000 đồng. Chị L đã nộp xong nên anh D có trách nhiệm trả lại cho chị L 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 16, Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 37, Điều 38, Điều 56; Điều 59, Điều 60, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 207, Điều 219 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận Đơn khởi kiện của anh Lê Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn D ly hôn với chị Lê Thị Thu L.
- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Cẩm Hằng, sinh ngày 27/8/2003 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; không ai được cản trở chị L và anh D thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con chung, nguyên đơn và bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung:

Anh D có quyền sở hữu căn nhà cấp 4, có diện tích 138,19m² được xây dựng trên phần đất thổ cư tại thửa số 409, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ. Anh D có nghĩa vụ bồi lại cho chị L ½ giá trị căn nhà là 229.482.700 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng);

Anh D được quyền sở hữu phần đất diện tích 690m² tại thửa số 1480, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK421145, sổ vào sổ cấp

giấy chứng nhận H01406 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 04/7/2008 cho anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ. Anh D có nghĩa vụ thối lại cho chị L $\frac{1}{2}$ giá trị mảnh đất là 36.225.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị L được sở hữu 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 65H1 – 037.20 và giấy chứng nhận quyền sở hữu do anh Lê Văn D đứng tên. Chị L có trách nhiệm thối lại cho anh D $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh D về việc: yêu cầu chị L chia 07 chỉ vàng 24K và số tiền 24.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị L về việc yêu cầu chia: Quyền sử dụng đất có diện tích 7.375m² tại thửa số 409, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310995, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01757 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ; Quyền sử dụng đất diện tích 11.886m² tại thửa số 1487, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 310991, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H01754 do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 05/02/2009 cho anh Lê Văn D, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ; Quyền sử dụng đất có diện tích 3.053,5m² tại thửa số 406, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN830491, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00899 do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 13/6/2013 do anh Lê Văn D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ; 01 chiếc xuống cây, 01 máy bơm nước hiệu S75, 01 máy bơm nước hiệu D6; 02 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế salon, 01 bàn ăn; 02 tủ quần áo gỗ, 02 tủ nhôm đựng chén bát, 01 ti vi, đầu đĩa, âm li thùng bass; Tiền thu hoạch lúa 04 mùa số tiền 160.000.000 đồng; Nợ bà Lê Kim H số tiền 9.500.000 đồng.

- Về nợ chung:

Đình chỉ yêu cầu chia nợ chung của nguyên đơn về việc yêu cầu chị L trả lại cho nguyên đơn 6.000.000 đồng tiền nợ phân, thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Thanh N.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chị L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 75.000.000 đồng, tiền nợ ngân hàng nông nghiệp huyện Thới Lai.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người liên quan chị Lê Thị Diễm K: Buộc

anh Lê Văn D và chị Lê Thị Thu L có trách nhiệm liên đới trả cho chị K số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) (Anh D trả 50.000.000 đồng, chị L trả 50.000.000 đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của người liên quan bà Lê Kim H về việc buộc anh D chị L trả số tiền 9.500.000 đồng

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Án phí chia tài sản chung:

Anh D phải chịu: 16.035.000 đồng (Mười sáu triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp số tiền 5.620.000 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), anh D còn phải nộp thêm là 10.715.000 đồng (Mười triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Chị L phải chịu 16.035.000 đồng (Mười sáu triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp 24.109.000 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm lẻ chín nghìn đồng), chị L được nhận lại 8.073.000 đồng (Tám triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000935 ngày 11/4/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai.

Chị Lê Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000882 ngày 28/3/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai.

Chị Lê Thị Diễm K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000930 ngày 10/4/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Lai

Chi phí đo đạc, thẩm định chị L phải chịu là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng); Anh D phải chịu là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), chị L đã nộp 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) nên anh D có trách nhiệm trả lại cho chị L 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- UBND xã T;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Trần Thị Phương Anh

